

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: /2024/HS-PT

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Quang Vũ

Các thẩm phán:

Ông Bùi Xuân Trường

Ông Nguyễn Hà Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 02 năm 2024 do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đối với Bản án hình sơ thẩm số 08/2023/HSST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

1. **Lê Thị T**, sinh năm 1968 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu 6, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu; Trình độ văn hoá: 10/10; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đoàn thể: Là Đảng viên (Đã đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 61-QĐ/UBKTHU ngày 02/11/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy L); Con ông Lê Như C, sinh năm 1931 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1934; Chồng: Nguyễn Đức C, sinh năm 1964; Con: Có 02 con (con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1996); Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không.

2. **Nguyễn Thị Thu H1**, sinh năm 1986 tại huyện T Sơn, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu 6, xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường UBND xã X; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn N T- sinh năm 1959 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C - sinh năm 1960; Chồng: Phan Tiến H - sinh năm 1985; Con: Có 03 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không.

3. **Vũ Thị Mai H2**, sinh năm 1974 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu 13, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Công chức Văn hóa xã hội xã X; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đoàn thể: Là Đảng viên (Đã đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 60-

QĐ/UBKTHU ngày 02/11/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy L); Con ông Vũ Xuân Đồng - sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị M- sinh năm 1949; Chồng: Nguyễn Quốc H - sinh năm 1967 (đã chết); Con: Có 02 con (con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1997); Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Trung N , sinh năm 1960 và chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1963;
Địa chỉ: Khu 6, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

2/ Anh Nguyễn Mạnh Đ , sinh năm 1982 và chị Đỗ Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu 13, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Các bị cáo có mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND huyện L về việc giao đất cho 28 hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở tại địa bàn xã X, huyện L, trong số ô đất được giao làm nhà ở thì có ô số 22 tại khu M. Vợ chồng ông Nguyễn Trung N bà Nguyễn Thị L có nhu cầu sử dụng đất nhưng không thuộc trường hợp được xét duyệt cấp đất nên đã nhờ Lê Thị T mua hộ ô đất. Lê Thị T nói là có ô đất ở khu M Trên diện tích 160m² giá khoảng 50.000.000 đồng thì ông N bà L đồng ý mua nên đã đưa cho Lê Thị T 50.000.000 đồng. Thời điểm đó vợ chồng anh Nguyễn Mạnh Đ chị Đỗ Thị H là hộ nghèo của xã nên đủ điều kiện được xét duyệt cấp đất nhưng không có nhu cầu xin cấp đất, Lê Thị T đã nói với Vũ Thị Mai H2 là nhờ vợ chồng anh Nguyễn Mạnh Đ chị Đỗ Thị H xin cấp ô đất số 22 tại khu M Trên, nếu vợ chồng anh Nguyễn Mạnh Đ và chị Đỗ Thị H đồng ý thì cho 3.000.000 đồng. Mục đích nhờ vợ chồng anh Đ chị H xin cấp đất là sau khi được cấp đất thì chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Trung N bà Nguyễn Thị L. Sau khi vợ chồng anh Đ chị H đồng ý thì Lê Thị T chỉ đạo Nguyễn Thị Thu H1 chuẩn bị hồ sơ xin cấp đất và hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đưa cho Vũ Thị Mai H2 mang đến cho vợ chồng anh Đ chị H ký. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa vợ chồng anh Nguyễn Mạnh Đ, chị Đỗ Thị H và ông Nguyễn Trung N , bà Nguyễn Thị L lập ngày 31/12/2019 là do Nguyễn Thị Thu H1 tự viết toàn bộ nội dung hợp đồng, còn Lê Thị T với tư cách Chủ tịch UBND xã X đã ký chứng thực hợp đồng. Theo Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh, ô đất số 22 diện tích 160m² tại khu M Trên là 250.000 đồng/1 m² nên số tiền sử dụng đất pH nộp là 40.000.000 đồng. Vợ chồng anh Đ chị H là hộ nghèo nên được miễn giảm 50% tiền sử dụng đất, số tiền còn pH nộp là 20.000.000 đồng. Ngày 12/12/2019 UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR850907 cho anh Nguyễn Mạnh Đ, chị Đỗ Thị H. Ô đất số 22 khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 822 tờ bản đồ số 30. Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa vợ chồng anh Nguyễn Mạnh Đ, chị

Đỗ Thị H và vợ chồng anh Nguyễn Trung N bà Nguyễn Thị L, ngày 26/02/2020 UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV118868 cho ông Nguyễn Trung N bà Nguyễn Thị L. Số tiền 50.000.000 đồng ông Nguyễn Trung N đưa cho Lê Thị T thì Lê Thị T đưa cho Vũ Thị Mai H2 25.000.000 đồng và đưa cho Nguyễn Thị Thu H1 15.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng trả lại ông N . Số tiền 25.000.000 đồng Vũ Thị Mai H2 đã nộp tiền sử dụng đất 20.000.000 đồng, đưa cho anh Đ chị H 3.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng Vũ Thị Mai H2 đã chi tiêu cá nhân; số tiền 15.000.000 đồng Nguyễn Thị Thu H1 đã nộp lệ phí làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình anh Đ chị H và tiền lệ phí, tiền thuế khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông N , bà L là 5.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng Nguyễn Thị Thu H1 đã chi tiêu cá nhân.

Bản án hình sơ thẩm số 08/2023/HSST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị T.

Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 .

Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Thị Mai H2 .

2. Tuyên bố các bị cáo Lê Thị T, Nguyễn Thị Thu H1 và Vũ Thị Mai H2 phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

2.1. Xử phạt bị cáo Lê Thị T 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án. Bị cáo pH thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Lê Thị T cho UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Lê Thị T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát và giáo dục bị cáo được thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện L nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 cho UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ là nơi bị cáo đang làm việc để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 có trách nhiệm phối hợp với UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)/tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập được thực hiện H1 tháng.

2.3. Xử phạt bị cáo Vũ Thị Mai H2 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện L nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao bị cáo Vũ Thị Mai H2 cho UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Vũ Thị Mai H2 có trách nhiệm phối hợp với UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo Vũ Thị Mai H2 là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng)/tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập được thực hiện H1 tháng.

Người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì pH thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 06 tháng tuổi, người già yếu, người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng. Người bị kết án cải tạo không giam giữ pH thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

3. Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lê Thị T, Nguyễn Thị Thu H1 và Vũ Thị Mai H2 .

4. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc các bị cáo Lê Thị T, Nguyễn Thị Thu H1 và Vũ Thị Mai H2 nộp lại số tiền thu lời bất chính và số tiền gây thiệt hại cho Nhà nước là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng). Xác nhận bị cáo Lê Thị T đã nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thu H1 đã nộp 20.000.000 đồng, Vũ Thị Mai H2 đã nộp 2.000.000 đồng (Số tiền 32.000.000 đồng đã chuyển vào tài khoản số 3949.0.1055134.000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo ủy nhiệm chi ngày 08/11/2023 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện L và Kho bạc Nhà nước L).

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng nghị số 04/KN-VKS-P7 ngày 08 tháng 01 năm 2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ kháng nghị toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ theo thủ tục phúc thẩm.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm, áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 355; điểm c, khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy Bản án sơ thẩm số 08/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ để điều tra lại, vì các lý do sau:

Thứ nhất: Trong vụ án này, vợ chồng anh Nguyễn Mạnh Đ, chị Đỗ Thị H được hưởng lợi số tiền 3.000.000 đồng là tiền do người khác phạm tội mà có và là người ký thủ tục xin cấp đất để bán suất được cấp đất cho người khác, không phải là người có nhu cầu sử dụng đất. Do vậy, việc không đưa anh Đ và chị H tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không truy thu số tiền 3.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước là vi phạm nghiêm trọng trong áp dụng Bộ luật Hình sự.

Thứ hai: Bản án căn cứ Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh, ô đất số 22 diện tích 160m² tại khu Mã Hán Trên là 250.000 đồng/1 m² nên số tiền sử dụng đất phải nộp là 40.000.000 đồng. Vợ chồng anh Đ chị H là hộ nghèo nên được miễn giảm 50% tiền sử dụng đất, số tiền còn phải nộp là 20.000.000 đồng. Từ đó xác định các bị cáo là công chức Nhà nước nhưng đã lợi dụng chức vụ quyền hạn để làm thủ tục cấp đất cho người không đủ điều kiện được cấp nên gây thiệt hại cho Nhà nước 20.000.000 đồng là không chính xác. Mà cần phải xác định thiệt hại trong vụ án này là nhà nước bị cán bộ công chức và người dân lợi dụng để giao đất trái pháp luật, thừa đất vi phạm nêu trên cần được định giá để xác định giá trị thiệt hại thực tế để truy thu nộp ngân sách nhà nước hoặc thu hồi đất.

Thứ ba: Các dấu hiệu khách quan cho thấy cán bộ địa chính Nguyễn Thị Thu H1 có hành vi giả mạo trong công tác, được hưởng lợi số tiền 10.000.000 đồng. Cần làm rõ yếu tố đồng phạm của bà T, H1, H2 để xác định yếu tố chiếm đoạt, hưởng lợi, đúng tội danh, việc quy kết các bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự là chưa đủ căn cứ pháp lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ rút quan điểm kháng nghị đối với nội dung xác định lại thiệt hại và xem xét về hành vi giả mạo trong công tác; Giữ nguyên nội dung kháng nghị truy thu số tiền 3.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước của anh Đ và chị H và đưa cần đưa anh Đ, chị H tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HSST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ. Buộc anh Đ, chị H nộp lại số tiền hưởng lợi không có căn cứ. Xác nhận số tiền bị cáo Lê Thị T, Nguyễn Thị Thu H1 đã nộp thay anh Đ, chị H số tiền 3.000.000 đồng và không yêu cầu anh Đ chị H T toán lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ làm trong hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ rút quan điểm kháng nghị đối với nội dung xác định lại thiệt hại và xem xét về hành vi giả mạo trong công tác; Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng nghị đã rút.

[3] Xét kháng nghị đề nghị truy thu số tiền 3.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước của anh Đ và chị H và đưa cần đưa anh Đ, chị H tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Nguyễn Mạnh Đ và chị Đỗ Thị H không biết các bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ đã ký các giấy tờ để được giao đất. Anh Đ và chị H được hưởng lợi 3.000.000 đồng không có căn cứ pháp luật xuất phát từ việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn của các bị cáo. Do vậy, anh Đ và chị H pH nộp lại số tiền hưởng lợi nêu trên.

Như vậy anh Đ và chị H pH tham gia tố tụng như kháng nghị là đúng. Tuy nhiên ngày 25/3/2024 bị cáo Lê Thị T, Nguyễn Thị Thu H1 đã nộp thay anh Đ và chị H khoản thu lợi này và không yêu cầu trả lại, do vậy khoản tiền trên đã được thu sung công đầy đủ nên không cần thiết hủy bản án để đưa anh Đ chị H tham gia tố tụng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không pH chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357; Khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ kháng nghị đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Chấp nhận rút một phần kháng nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa. Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng nghị đề nghị xác định lại thiệt hại và xem xét về hành vi giả mạo trong công tác.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

[2] Căn cứ Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị T.

Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 .

Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Thị Mai H2 .

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị T, Nguyễn Thị Thu H1 và Vũ Thị Mai H2 phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

[2.1] Xử phạt bị cáo Lê Thị T 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án. Bị cáo pH thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Lê Thị T cho UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Lê Thị T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát và giáo dục bị cáo được thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2.2] Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện L nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 cho UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ là nơi bị cáo đang làm việc để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 có trách nhiệm phối hợp với UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)/tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập được thực hiện H1 tháng.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì pH thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 06 tháng tuổi, người già yếu, người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng. Người bị kết án cải tạo không giam giữ pH thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

[2.3] Xử phạt bị cáo Vũ Thị Mai H2 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện L nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao bị cáo Vũ Thị Mai H2 cho UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Vũ Thị Mai H2 có trách nhiệm phối hợp với UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo Vũ Thị Mai H2 là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng)/tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập được thực hiện H1 tháng.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì pH thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 06 tháng tuổi, người già yếu, người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng. Người bị kết án cải tạo không giam giữ pH thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

[3] Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lê Thị T, Nguyễn Thị Thu H1 và Vũ Thị Mai H2 .

[4] Trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc các bị cáo Lê Thị T, Nguyễn Thị Thu H1 và Vũ Thị Mai H2 nộp lại số tiền thu lời bất chính và số tiền gây thiệt hại cho Nhà nước là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng). Xác nhận bị cáo Lê Thị T đã nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thu H1 đã nộp 20.000.000 đồng, Vũ Thị Mai H2 đã nộp 2.000.000 đồng (Số tiền 32.000.000 đồng đã chuyển vào tài khoản số 3949.0.1055134.000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo ủy nhiệm chi ngày 08/11/2023 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện L và Kho bạc Nhà nước L).

Buộc anh Nguyễn Mạnh Đ và chị Đỗ Thị H pH nộp lại số tiền 3.000.000 đồng để sung công nhà nước. Xác nhận số tiền này do bị cáo Lê Thị T, Nguyễn Thị Thu H1 đã nộp thay và không yêu cầu anh Đ chị H T toán lại. Theo Biên lai thu tiền số 0001590, 0001591 ngày 25/3/2024 của Chi cục thi hành án huyện L, tỉnh Phú Thọ).

[5] Về án phí: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo không pH chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu HS; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Vũ

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

**Phạm Văn
Toàn**

**Nguyễn Quang
Vũ**

Vũ Anh Tuấn

